

## Văn hóa như là một yếu tố của an ninh quốc gia

FLIER ANDREI JAKOVLEVICH

Dựa trên thực tiễn của tình hình phức tạp và không ổn định vốn đang đe dọa nền an ninh của nước Nga hiện nay như sự gia tăng và phổ biến những hành vi tội phạm chống xã hội, quy mô của nạn tham nhũng và những tệ nạn khác mang tính chất đại trà, sự vô hiệu lực của bộ máy hành chính nhà nước, sự đổ vỡ của những lý tưởng trước đây và sự mất lòng tin của đại bộ phận chúng..., tác giả chỉ rõ rằng nguyên nhân chủ yếu gây nên những mối hiểm họa này là “sự khiếm khuyết ở trong nước những điều kiện, những kích thích tố và những kỹ năng văn hóa để giúp cho tất cả các công dân có điều kiện tham gia một cách bình đẳng vào việc cạnh tranh xã hội tự do trên thị trường lao động và tài năng” (tr. 181).

Bởi lẽ cơ sở của xã hội pháp quyền công dân không phải là nền kinh tế thị trường, cũng không phải là bản thân những hình thức quản lý dân chủ mà chính là khuynh hướng cạnh tranh lành mạnh của những cá nhân tự do, ở đó người nào có nghị lực hơn, cần mẫn hơn, có tài hơn, có trình độ nghiệp vụ cao hơn thì hiển nhiên sẽ có nhiều cơ may vượt các đối thủ của mình và thu hoạch được một khối lượng lớn phúc lợi xã hội. Vì đó theo Flier, “cũng chính là cơ sở văn hóa - xã hội của xã hội hiện đại; và ở nơi nào trình độ văn hóa đó cao hơn thì mức độ những hiện tượng tiêu cực xã hội những mối hiểm họa nội tại đối với an ninh quốc gia sẽ thấp hơn nhiều” (tr. 182).

Con người ta sinh ra vốn khác nhau về năng khiếu, về trí tuệ, về khả năng lao động và tiếp thu kiến thức... Chính điều đó có ảnh hưởng đôi khi mang tính chất quyết định, đối với trình độ và khả năng cạnh tranh xã hội của mỗi người.

Tuyệt đại đa số người hoàn toàn có khả năng cạnh tranh về mặt xã hội, họ không phải là những thiên tài sáng tạo mà chỉ là những người làm tốt công việc họ đang đảm nhận. Thông thường, xã hội không đòi hỏi ở họ điều gì lớn lao hơn là việc tận tâm thực hiện vai trò xã hội của mình.

Tất nhiên, mẫu mực lý tưởng về người có khả năng cạnh tranh - đó là con người sáng tạo, đề xuất được những tư tưởng mới, những sản phẩm mới, những công nghệ mới, tác phẩm mới.

Khi nói về những người không có khả năng cạnh tranh thì cần lưu ý rằng đó không phải chỉ là những người mất khả năng này do những nguyên nhân khách quan (sức khỏe, tuổi tác, chấn thương...) những người ấy cần phải trở thành đối tượng của sự chăm sóc tại nhà do nhà nước hay xã hội đài thọ với mức độ có thể bảo đảm sự tồn tại cho họ một cách thỏa đáng như điều này được áp dụng ở tất cả các nước văn minh. Song một bộ phận đáng kể của loại người không có khả năng cạnh

tranh được tạo ra bởi một lớp người được gọi là những người ở bên lề xã hội tức là những người do các nguyên nhân xã hội chứ không phải các nguyên nhân y, sinh học (những đặc điểm của việc giáo dục, những điều kiện không thuận lợi trong cuộc sống ở lứa tuổi trẻ thơ, sự khiếm khuyết trình độ học vấn chuyên nghiệp, đôi khi cả phổ thông, ảnh hưởng của môi trường chống xã hội, của tính lười biếng, của thói tráng tác v.v...) không muốn tuân thủ lối sống phù hợp với những chuẩn mực của xã hội và khao khát có được những phúc lợi xã hội này khác bằng các thủ đoạn không được xã hội tán thành (tội phạm, ăn xin ...). Khi số người ở bên lề xã hội này tăng quá lớn và khi điều kiện sống của họ trở nên không chịu nổi thì trong môi trường đó có thể bùng nổ cuộc nổi loạn tự phát, thậm chí đi tới mưu toan cướp chính quyền ở trong nước, hành động này thường được gọi là “cuộc cách mạng xã hội”. Tầng lớp đó do không có hi vọng bằng con đường hợp pháp để nhận được những phúc lợi xã hội theo số lượng và chất lượng mong muốn nên trong tình huống khủng hoảng đối với xã hội đã chiếm chính quyền và dùng phương pháp trấn áp để bóc lột sức lao động của bộ phận dân chúng có khả năng cạnh tranh và dùng sức mạnh để phân phối lại một cách có lợi cho mình một phần đáng kể của cải nhà nước và thiết lập nên một nền chuyên chế chính trị của mình (tr. 184). Như vậy là những hình thức đấu tranh của họ mang tính chất tội lỗi.

Tính chất lưu manh của tầng lớp xã hội đứng bên lề xã hội không chỉ thể hiện ở sự không có khả năng làm giàu về mặt vật chất mà còn thể hiện ở thái độ khinh miệt đối với nhân tố trí tuệ và đạo đức tinh thần ở con người, đối với những chuẩn mực đã định hình về sinh hoạt và ứng xử xã hội, đối với kiến thức và sự uyên bác.

Xét cho cùng, sự không có khả năng cạnh tranh về mặt xã hội là kết quả của sự xã hội hóa chưa đủ mức đối với một bộ phận dân chúng trong thời kỳ họ được giáo dục và học tập ở tuổi thơ ấu và niên thiếu cũng như của sự không thích ứng về mặt xã hội của họ (hay những hình thức thích ứng không phù hợp với lợi ích xã hội) ở tuổi trưởng thành (tr. 185).

Toàn bộ những biện pháp tổ chức sự thích ứng và sự phục hồi xã hội như vậy được gọi là chính sách xã hội của nhà nước. Nó thường bao gồm những chương trình tăng thêm chỗ làm, tạo ra những lĩnh vực làm riêng đối với những người có khả năng hạn chế, xây dựng hệ thống dạy nghề, giúp đỡ về mặt vật chất đối với những người không có khả năng lao động một cách khách quan hay tạm thời mất việc làm, v.v...

Ý nghĩa phổ quát về mặt xã hội - chính trị của tất cả những biện pháp trên là để kìm hãm quá trình lưu manh hóa của những người không có khả năng cạnh tranh do những nguyên nhân xã hội, để đưa ra khỏi môi trường lưu manh hoặc bán lưu manh đối với những người chưa bị mất hẳn nhân tính và kỹ năng lao động. Điều này nằm trong hệ thống của toàn bộ biện pháp nhằm “xã hội hóa cá nhân” tức là lôi kéo con người vào mối quan hệ tương tác xã hội, kích thích và nâng cao khả năng hoạt động của họ trong những hình thức chấp nhận được đối với xã hội, huấn luyện cho họ thích nghi với những chuẩn mực của lối sống phổ biến trong một xã hội nhất định. “Về nguyên tắc, quá trình xã hội hóa cá nhân bao gồm toàn bộ biện pháp nhằm đưa

con người vào hệ thống phân công lao động và vào lối sống được chấp nhận” (tr 185).

Ngoài việc xã hội hóa cá nhân ra theo tác giả bài viết, con người còn cần phải có “những định hướng giá trị” (gồm những giá trị tinh thần như tư tưởng, trí thức, niềm tin, tình cảm giai cấp, tình cảm dân tộc...). Những định hướng giá trị này bổ xung cho lối sống của con người để tạo nên bức tranh của anh ta về thế giới (tr 185) tức là toàn bộ quan niệm và cảm giác (một phần mang tính chất duy lý và chủ yếu mang tính chất trực giác) về bản chất của cuộc sống và sự tồn tại tập thể của con người, về những quy luật và chuẩn mực của tồn tại đó, về thang giá trị của những thành tố của nó. Trên cấp độ này của những lợi ích thực dụng và những nhu cầu của cá nhân văn hóa đã trở thành tác nhân điều tiết chủ yếu đối với sự tương ứng xã hội của nó.

Văn hóa được các nhà khoa học ngày nay quan niệm như “nội dung mang tính chất ý nghĩa - giá trị điều tiết - chuẩn mực và thông tin - biểu trưng của bất cứ một lãnh vực nào trong hoạt động có ý nghĩa xã hội của con người” (tr 185).

Chính theo quan điểm đó đã được hình thành những khái niệm “văn hóa kinh tế”, “văn hóa chính trị”, “văn hóa lao động”...

Văn hóa không được chuyển giao từ bố mẹ theo kiểu di truyền mà hình thành theo tiến trình của cuộc sống. Xã hội cần phải bồi dưỡng nó ở mỗi người, phải giúp con người làm quen với toàn bộ những chuẩn mực và những qui tắc, với “các luật chơi” của tồn tại văn hóa, xã hội phải phân định rạch ròi ranh giới, nơi địa bàn văn hóa xã hội “bình thường” kết thúc và địa bàn của cái bên lề xã hội bắt đầu

Theo Flier, để khắc phục những khuynh hướng nguy hại về sự xuống cấp đại trà của nhân dân không chỉ cần sự xã hội hóa mang tính chất nghề nghiệp của con người mà còn cần phải đưa con người vào hệ thống của những chuẩn mực văn hóa được chấp nhận trong xã hội về sinh hoạt cộng đồng, cần phải khuyến khích ở con người sự mong muốn tuân thủ những chuẩn mực ấy chứ không phải vi phạm chúng.

Như tác giả khẳng định một xã hội an ninh thực sự là xã hội mà trong đó tuyệt đại đa số dân chúng biết chấp hành những chuẩn mực sinh hoạt, tức là những người có văn hóa, còn số những kẻ vi phạm không lấy gì làm lớn. Còn khi số những kẻ vi phạm vượt quá tỷ lệ cho phép thì xã hội đó khó lòng được gọi là xã hội văn hóa cũng như xã hội an ninh. Về phương diện này những xã hội truyền thống cổ xưa rõ ràng là an ninh hơn so với những xã hội công nghiệp và hậu công nghiệp, nơi mà tỷ lệ dân chúng bị đẩy ra ngoài lề xã hội cao hơn nhiều và những chuẩn mực được cho phép về an ninh thấp hơn (chỉ ít là những chuẩn mực về an ninh cá nhân của các công dân và tài sản của họ).

Tất nhiên, trong xã hội hiện đại không thể nào đảm bảo mức độ an ninh có thể chấp nhận chỉ bằng những nỗ lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Để giải quyết nhiệm vụ này cần phải huy động toàn bộ chính sách của nhà nước, trong đó có cả chính sách văn hóa, làm nhiệm vụ phối hợp những nỗ lực của tất cả các quy chế về xã hội hóa và nâng cao trình độ văn hóa của con người.

Để thực hiện nhiệm vụ đó cần có sự liên kết những nỗ lực của tất cả các ngành văn hóa (hiểu theo nghĩa rộng): giáo dục, nghệ thuật, tôn giáo, khoa học, các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản sách, các hệ thống văn hóa: bảo tàng, thư viện, thời gian nhàn rỗi được tổ chức v.v...trong khuôn khổ một chương trình quốc gia thống nhất về sự tự phát triển văn hóa xã hội và sự tự vệ của xã hội cũng cần phải có một hệ tư tưởng dân tộc mang tính chất quốc gia, và chức năng của bất cứ một hệ tư tưởng dân tộc nào là cơ sở cho sự cạnh tranh xã hội của các công dân, cho sự kết tinh những định hướng giá trị trên phạm vi toàn quốc, kể cả trong lĩnh vực an ninh. Ở đây hệ tư tưởng là sự thể hiện một cách tập trung văn hóa của giới cầm quyền, hệ thống giá trị của nó. Điều đó cho phép hình thành một nguyên tắc về an ninh xã hội trên phương diện văn hóa: giới cầm quyền càng ít đầu tư kinh phí cho văn hóa và giáo dục bao nhiêu thì nó sẽ càng phải đầu tư kinh phí cho bộ máy cảnh sát, bộ máy tư pháp và hệ thống cải huấn ngày mai nhiều bấy nhiêu (tr 187).

LÊ SON lược thuật  
(Theo tạp chí ONS của Nga)

## TRÊN GIÁ SÁCH CỦA NHÀ XÃ HỘI HỌC

(Tiếp theo trang 59)

- PHAN HUY LÊ: **Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam** (Tập 2), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội 2002, 891 tr
- JANOS KORNAI - KAREN EGGLESTON: **Chăm sóc sức khỏe cộng đồng: phúc lợi, lựa chọn và đoàn kết trong chuyển đổi: Cải cách khu vực y tế ở Đông Âu**. Nxb Văn hóa Thông tin 2002, 386 tr.
- TRẦN NGỌC BÚT: **Chính sách nông nghiệp nông thôn Việt Nam nửa cuối thế kỷ XX và một số định hướng đến năm 2010 (sách tham khảo)**. Nxb Chính trị Quốc gia 2002, 276 tr.
- LÊ THỊ VINH THI: **Chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn: Quy trình xây dựng và thực hiện**. Nxb Khoa học xã hội 1998, 184 tr.
- VŨ KHIẾU - THÀNH DUY: **Đạo đức và phát luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam**. Nxb Khoa học xã hội 2000, 252 tr.